

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2023 để thực hiện quy định mức khoán kinh phí giao dự toán thực hiện công việc thừa hành, phục vụ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ ý kiến Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 298-KL/TU ngày 20/12/2023;*

*Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3497/STC-TCHCSN ngày 31/10/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh với các nội dung cụ thể sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí đã giao cho các cơ quan, đơn vị tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh với tổng số tiền là **306 triệu đồng**; đồng thời, điều chỉnh tăng tương ứng dự toán kinh phí thực hiện các chính sách của tỉnh và nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền năm 2023 với số tiền là **306 triệu đồng**.

2. Điều chỉnh giảm nguồn kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các chính sách của tỉnh và nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh, với **số tiền 4.301 triệu đồng**; đồng thời, tăng tương ứng nguồn chi hành chính thực hiện các chính sách của tỉnh và nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh với **số tiền 4.301 triệu đồng**.

3. Cấp bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện quy định mức khoán kinh phí giao dự toán thực hiện công việc thừa hành, phục vụ với tổng số tiền là **11.589 triệu đồng**

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn kinh phí thực hiện các chính sách của tỉnh và nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh.

*(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm Quyết định này)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí tại Điều 1 theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm sử dụng, quản lý, thanh quyết toán kinh phí được cấp bổ sung đúng quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

*Luân*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC 1**  
**TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        /        /2023 của UBND tỉnh)

tính: triệu đồng

| STT | Tên đơn vị                             | Kinh phí giao đầu năm 2023 | Khoán kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ | Kinh phí bổ sung (+) |
|-----|----------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
|     | <b><u>TỔNG CỘNG</u></b>                | <b><u>14.133</u></b>       | <b><u>25.722</u></b>                                         | <b><u>11.589</u></b> |
| 1   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | 108                        | 432                                                          | 324                  |
| 2   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin        | 253                        | 864                                                          | 611                  |
| 3   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao         |                            | 252                                                          | 252                  |
| 4   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường        |                            | 90                                                           | 90                   |
| 5   | Chi sự nghiệp kinh tế                  | 223                        | 1.152                                                        | 929                  |
| 6   | Chi quản lý hành chính                 | 13.199                     | 22.500                                                       | 9.301                |
| 7   | Chi bảo đảm xã hội                     | 350                        | 432                                                          | 82                   |

PHỤ LỤC 2  
CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2023  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày       /       /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT       | Tên đơn vị                               | Kinh phí giao đầu năm 2023 | Khoán kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ | Kinh phí bổ sung     |
|-----------|------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
| <i>A</i>  | <i>B</i>                                 | <i>I</i>                   | <i>2</i>                                                     | <i>3=2-I</i>         |
| <b>I</b>  | <b><u>TỔNG CỘNG</u></b>                  | <b><u>14.133</u></b>       | <b><u>25.722</u></b>                                         | <b><u>11.589</u></b> |
| <b>1</b>  | <b>Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</b>  | <b>836</b>                 | <b>1.080</b>                                                 | <b>244</b>           |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>836</b>                 | <b>1.080</b>                                                 | <b>244</b>           |
|           | VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh                | 836                        | 1.080                                                        | 244                  |
| <b>2</b>  | <b>Văn phòng UBND tỉnh</b>               | <b>1.646</b>               | <b>2.448</b>                                                 | <b>802</b>           |
|           | <b>- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b> |                            | <b>180</b>                                                   | <b>180</b>           |
|           | Trung tâm tin học công báo               |                            | 180                                                          | 180                  |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>1.646</b>               | <b>2.268</b>                                                 | <b>622</b>           |
|           | Văn phòng UBND tỉnh                      | 1.646                      | 2.268                                                        | 622                  |
| <b>3</b>  | <b>Sở Nội vụ</b>                         | <b>483</b>                 | <b>972</b>                                                   | <b>489</b>           |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>375</b>                 | <b>792</b>                                                   | <b>417</b>           |
|           | Văn phòng Sở Nội vụ                      | 182                        | 360                                                          | 178                  |
|           | Ban Tôn giáo                             | 139                        | 252                                                          | 113                  |
|           | Ban Thi đua - Khen thưởng                | 54                         | 180                                                          | 126                  |
|           | <b>- Chi sự nghiệp kinh tế</b>           | <b>108</b>                 | <b>180</b>                                                   | <b>72</b>            |
|           | Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh           | 108                        | 180                                                          | 72                   |
| <b>4</b>  | <b>Tỉnh uỷ Bình định</b>                 | <b>3.165</b>               | <b>3.924</b>                                                 | <b>759</b>           |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>3.165</b>               | <b>3.924</b>                                                 | <b>759</b>           |
|           | Văn phòng Tỉnh Ủy                        | 2.722                      | 2.160                                                        | 698                  |
|           | Ban Nội chính Tỉnh ủy                    |                            | 252                                                          |                      |
|           | Ban Tổ chức Tỉnh ủy                      |                            | 252                                                          |                      |
|           | Ban Dân vận Tỉnh ủy                      |                            | 252                                                          |                      |
|           | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy                   |                            | 252                                                          |                      |
|           | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy                  |                            | 252                                                          |                      |
|           | Đảng ủy Khối các cơ quan                 | 231                        | 252                                                          | 21                   |
|           | Đảng ủy Khối Doanh nghiệp                | 212                        | 252                                                          | 40                   |
| <b>5</b>  | <b>Hội Cựu chiến binh</b>                | <b>191</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>169</b>           |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>191</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>169</b>           |
|           | Hội cựu chiến binh                       | 191                        | 360                                                          | 169                  |
| <b>6</b>  | <b>Sở Ngoại Vụ</b>                       | <b>202</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>158</b>           |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>202</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>158</b>           |
|           | Văn phòng Sở Ngoại Vụ                    | 202                        | 360                                                          | 158                  |
| <b>7</b>  | <b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>             | <b>175</b>                 | <b>540</b>                                                   | <b>365</b>           |
|           | <b>- Chi sự nghiệp kinh tế</b>           |                            | <b>180</b>                                                   | <b>180</b>           |
|           | Trung tâm xúc tiến đầu tư                |                            | 180                                                          | 180                  |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>175</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>185</b>           |
|           | Sở Kế hoạch và Đầu tư                    | 175                        | 360                                                          | 185                  |
| <b>8</b>  | <b>Sở Công thương</b>                    | <b>126</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>234</b>           |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>126</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>234</b>           |
|           | Văn phòng Sở Công thương                 | 126                        | 360                                                          | 234                  |
| <b>9</b>  | <b>Sở Tư pháp</b>                        | <b>243</b>                 | <b>540</b>                                                   | <b>297</b>           |
|           | <b>- Chi sự nghiệp kinh tế</b>           | <b>61</b>                  | <b>180</b>                                                   | <b>119</b>           |
|           | Trung tâm trợ giúp pháp lý               | 61                         | 180                                                          | 119                  |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>182</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>178</b>           |
|           | Văn phòng Sở Tư pháp                     | 182                        | 360                                                          | 178                  |
| <b>10</b> | <b>Sở Tài chính</b>                      | <b>177</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>183</b>           |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>          | <b>177</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>183</b>           |
|           | Sở Tài chính                             | 177                        | 360                                                          | 183                  |
| <b>11</b> | <b>Sở Tài nguyên và môi trường</b>       | <b>479</b>                 | <b>792</b>                                                   | <b>313</b>           |

| STT       | Tên đơn vị                                         | Kinh phí giao đầu năm 2023 | Khoán kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ | Kinh phí bổ sung |
|-----------|----------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------|
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>479</b>                 | <b>792</b>                                                   | <b>313</b>       |
|           | Văn phòng Sở TNMT                                  | 264                        | 360                                                          | 96               |
|           | Chi cục Bảo vệ môi trường                          | 77                         | 180                                                          | 103              |
|           | Chi cục Quản lý đất đai                            | 138                        | 252                                                          | 114              |
| <b>12</b> | <b>Thanh tra tỉnh</b>                              | <b>176</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>184</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>176</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>184</b>       |
|           | Thanh tra tỉnh                                     | 176                        | 360                                                          | 184              |
| <b>13</b> | <b>Sở Xây dựng</b>                                 | <b>164</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>196</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>164</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>196</b>       |
|           | Sở Xây dựng                                        | 164                        | 360                                                          | 196              |
| <b>14</b> | <b>Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh BD</b>              | <b>214</b>                 | <b>540</b>                                                   | <b>326</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>214</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>146</b>       |
|           | Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh BD                     | 214                        | 360                                                          | 146              |
|           | <b>- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>           |                            | <b>180</b>                                                   | <b>180</b>       |
|           | Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi                |                            | 180                                                          | 180              |
| <b>15</b> | <b>Hội Liên hiệp phụ nữ</b>                        | <b>269</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>91</b>        |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>269</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>91</b>        |
|           | Hội Liên hiệp phụ nữ                               | 269                        | 360                                                          | 91               |
| <b>16</b> | <b>Hội nông dân tỉnh</b>                           | <b>214</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>146</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>214</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>146</b>       |
|           | Hội nông dân                                       | 214                        | 360                                                          | 146              |
| <b>17</b> | <b>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>      | <b>1.923</b>               | <b>5.220</b>                                                 | <b>3.297</b>     |
|           | <b>- Chi sự nghiệp kinh tế (nông lâm thủy lợi)</b> |                            | <b>360</b>                                                   | <b>360</b>       |
|           | Trung tâm Khuyến nông                              |                            | 180                                                          | 180              |
|           | Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn                  |                            | 180                                                          | 180              |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>1.923</b>               | <b>4.860</b>                                                 | <b>2.937</b>     |
|           | Văn phòng sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn   | 240                        | 360                                                          | 120              |
|           | Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật              | 113                        | 252                                                          | 139              |
|           | Chi cục Chăn nuôi và Thú y                         | 78                         | 252                                                          | 174              |
|           | Chi cục Phát triển nông thôn                       | 65                         | 180                                                          | 115              |
|           | Chi cục Thủy lợi                                   | 73                         | 252                                                          | 179              |
|           | Chi cục QLCL nông, lâm sản, Thủy sản               | 61                         | 180                                                          | 119              |
|           | Chi cục Thủy sản                                   | 97                         | 180                                                          | 83               |
|           | VP Điều phối CTMTQG XD Nông thôn mới               |                            | 180                                                          | 180              |
|           | <b>Chi cục Kiểm lâm</b>                            |                            |                                                              |                  |
|           | Cơ quan Chi cục Kiểm lâm                           | 82                         | 252                                                          | 170              |
|           | Hạt Kiểm lâm An Lão                                | 76                         | 252                                                          | 176              |
|           | Hạt Kiểm lâm An Nhơn                               | 111                        | 252                                                          | 141              |
|           | Hạt Kiểm lâm Hoài Ân                               | 116                        | 252                                                          | 136              |
|           | Hạt Kiểm lâm Hoài Nhơn                             | 115                        | 252                                                          | 137              |
|           | Hạt Kiểm lâm Phù Cát                               | 121                        | 252                                                          | 131              |
|           | Hạt Kiểm lâm Phù Mỹ                                | 101                        | 252                                                          | 151              |
|           | Hạt Kiểm lâm Liên hạt Tuy Phước- QN                | 81                         | 252                                                          | 171              |
|           | Hạt Kiểm lâm Tây Sơn                               | 72                         | 252                                                          | 180              |
|           | Hạt Kiểm lâm Vân Canh                              | 168                        | 252                                                          | 84               |
|           | Hạt Kiểm lâm Vĩnh Thạnh                            | 72                         | 252                                                          | 180              |
|           | Đội Kiểm lâm Cơ động và PCC rừng                   | 81                         | 252                                                          | 171              |
| <b>18</b> | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>                    | <b>288</b>                 | <b>612</b>                                                   | <b>324</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>288</b>                 | <b>612</b>                                                   | <b>324</b>       |
|           | Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ                 | 176                        | 360                                                          | 184              |
|           | Chi cục Đo lường chất lượng                        | 112                        | 252                                                          | 140              |
| <b>19</b> | <b>Sở Giao thông vận tải</b>                       | <b>423</b>                 | <b>612</b>                                                   | <b>189</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                    | <b>423</b>                 | <b>612</b>                                                   | <b>189</b>       |
|           | Văn phòng Sở Giao thông                            | 423                        | 612                                                          | 189              |
| <b>20</b> | <b>Sở Du lịch</b>                                  | <b>290</b>                 | <b>612</b>                                                   | <b>322</b>       |

| STT       | Tên đơn vị                                     | Kinh phí giao đầu năm 2023 | Khoán kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ | Kinh phí bổ sung |
|-----------|------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------|
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                | <b>236</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>124</b>       |
|           | Văn phòng Sở Du lịch                           | 236                        | 360                                                          | 124              |
|           | <b>- Chi sự nghiệp kinh tế</b>                 | <b>54</b>                  | <b>252</b>                                                   | <b>198</b>       |
|           | Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch           | 54                         | 252                                                          | 198              |
| <b>21</b> | <b>Sở Văn hóa và Thể thao</b>                  | <b>450</b>                 | <b>1.116</b>                                                 | <b>666</b>       |
|           | <b>- Chi Quản lý hành chính</b>                | <b>197</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>163</b>       |
|           | Văn phòng Sở Văn hóa và Thể Thao               | 197                        | 360                                                          | 163              |
|           | <b>- Chi sự nghiệp văn hoá Thông tin</b>       | <b>253</b>                 | <b>504</b>                                                   | <b>251</b>       |
|           | Nhà hát Nghệ thuật truyền thống                | 199                        | 252                                                          | 53               |
|           | Thư viện tỉnh                                  | 54                         | 252                                                          | 198              |
|           | <b>- Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>        |                            | <b>252</b>                                                   | <b>252</b>       |
|           | Trung tâm Võ Cổ truyền                         |                            | 252                                                          | 252              |
| <b>22</b> | <b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>            | <b>200</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>160</b>       |
|           | <b>- Chi Quản lý hành chính</b>                | <b>200</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>160</b>       |
|           | Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông         | 200                        | 360                                                          | 160              |
| <b>23</b> | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>                  | <b>131</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>229</b>       |
|           | <b>- Chi Quản lý hành chính</b>                | <b>131</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>229</b>       |
|           | Văn phòng Sở Giáo dục và đào tạo               | 131                        | 360                                                          | 229              |
| <b>24</b> | <b>Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh</b>            | <b>253</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>107</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                | <b>253</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>107</b>       |
|           | Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh BĐ                   | 253                        | 360                                                          | 107              |
| <b>25</b> | <b>Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu</b> |                            | <b>90</b>                                                    | <b>90</b>        |
|           | <b>- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>       |                            | <b>90</b>                                                    | <b>90</b>        |
|           | Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu        |                            | 90                                                           | 90               |
| <b>26</b> | <b>Sở Y tế</b>                                 | <b>430</b>                 | <b>1.152</b>                                                 | <b>722</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                | <b>322</b>                 | <b>720</b>                                                   | <b>398</b>       |
|           | Văn phòng Sở Y tế                              | 210                        | 360                                                          | 150              |
|           | Chi cục Dân số - KHHGD                         | 55                         | 180                                                          | 125              |
|           | Chi cục AT-VSTP                                | 57                         | 180                                                          | 123              |
|           | <b>- Chi sự nghiệp y tế khác</b>               | <b>108</b>                 | <b>432</b>                                                   | <b>324</b>       |
|           | Trung tâm Kiểm nghiệm DP-MP                    | 54                         | 180                                                          | 126              |
|           | Trung tâm Pháp Y                               | 54                         | 252                                                          | 198              |
| <b>27</b> | <b>Sở Lao động Thương binh và xã hội</b>       | <b>555</b>                 | <b>792</b>                                                   | <b>237</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                | <b>205</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>155</b>       |
|           | VP Sở Lao động Thương binh và xã hội           | 205                        | 360                                                          | 155              |
|           | <b>- Chi bảo đảm xã hội</b>                    | <b>350</b>                 | <b>432</b>                                                   | <b>82</b>        |
|           | Cơ sở cai nghiện ma túy                        | 108                        | 180                                                          | 72               |
|           | Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công | 242                        | 252                                                          | 10               |
| <b>28</b> | <b>Ban quản lý Khu kinh tế</b>                 | <b>248</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>112</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                | <b>248</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>112</b>       |
|           | VP Ban quản lý Khu kinh tế                     | 248                        | 360                                                          | 112              |
| <b>29</b> | <b>Ban Dân tộc</b>                             | <b>182</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>178</b>       |
|           | <b>- Chi quản lý hành chính</b>                | <b>182</b>                 | <b>360</b>                                                   | <b>178</b>       |
|           | Ban Dân tộc                                    | 182                        | 360                                                          | 178              |
|           |                                                |                            |                                                              |                  |

**PHỤ LỤC 3**  
**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày       /       /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT      | Tên đơn vị                               | Kinh phí giao năm 2023 tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 | Khoản kinh phí để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ | Kinh phí điều chỉnh giảm (-) |
|----------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------|
| <i>A</i> | <i>B</i>                                 | <i>1</i>                                                              | <i>2</i>                                                     | <i>3=2-1</i>                 |
| <b>I</b> | <b><u>TỔNG CỘNG</u></b>                  | <b><u>558</u></b>                                                     | <b><u>252</u></b>                                            | <b><u>(306)</u></b>          |
| <b>1</b> | <b>Tỉnh uỷ Bình định</b>                 | <b>117</b>                                                            |                                                              | <b>(117)</b>                 |
|          | <b>- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b> | <b>117</b>                                                            |                                                              | <b>(117)</b>                 |
|          | Báo Bình Định                            | 117                                                                   |                                                              | (117)                        |
| <b>2</b> | <b>Sở Văn hóa và Thể thao</b>            | <b>441</b>                                                            | <b>252</b>                                                   | <b>(189)</b>                 |
|          | <b>- Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>  | <b>441</b>                                                            | <b>252</b>                                                   | <b>(189)</b>                 |
|          | Trung tâm Huấn luyện TĐ Thể thao         | 441                                                                   | 252                                                          | (189)                        |
|          |                                          |                                                                       |                                                              |                              |